

Số: /KH-UBND

Kon Rẫy, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn huyện Kon Rẫy, giai đoạn 2021-2030

Thực hiện Kế hoạch số 4758/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2030; Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn huyện, giai đoạn 2021-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thúc đẩy thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và Luật Người khuyết tật nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật (NKT).

- Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; cán bộ, đảng viên và Nhân dân với công tác NKT.

- Phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trong việc chăm lo cuộc sống của NKT, tạo cơ hội bình đẳng nhằm đáp ứng tốt hơn quyền lợi chính đáng, hợp pháp; động viên để NKT phát huy năng lực, vươn lên hoà nhập, đóng góp cho xã hội.

2. Yêu cầu

- Việc quán triệt, cụ thể hóa mục tiêu, nội dung Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn huyện phải phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện và những quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế gắn liền với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

- Việc xây dựng các hoạt động trợ giúp người khuyết tật phải có tính khả thi, sát với tình hình thực tế và nguồn lực của địa phương. Quá trình tổ chức thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm; sơ kết giữa kỳ; tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Giai đoạn 2021 - 2025

- Hằng năm, có khoảng 80% NKT tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 70% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; ít nhất khoảng 50 trẻ em và NKT được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- 70% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục.
- 100 NKT có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm; 90% NKT có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định.
- 80% công trình xây mới và 30% công trình cũ là trụ sở làm việc của cơ quan Nhà nước; bến xe; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với NKT.
- 30% NKT có nhu cầu tham gia giao thông được miễn hoặc giảm giá vé, giá dịch vụ khi NKT đặc biệt nặng, NKT nặng tham gia giao thông theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ.
- 25% NKT được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.
- 90% NKT có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.
- 100 % cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ NKT; 30% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho NKT; 20% NKT được tập huấn các kỹ năng sống.
- 80% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.

2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Hằng năm, có khoảng 90% NKT tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 70 trẻ em và NKT được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.
- 80% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục.
- 150 NKT có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm; 100% NKT có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định.
- 100% công trình xây mới và 50% công trình cũ là trụ sở làm việc của cơ quan Nhà nước; bến xe; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với NKT.
- 50% NKT có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương; được miễn hoặc giảm giá vé, giá dịch vụ khi NKT đặc biệt nặng, NKT nặng tham gia giao thông theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ.
- 35% NKT được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

- 20% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; thư viện huyện tổ chức được không gian đọc, đảm bảo tiện ích thư viện chuyên dụng.

- 100% NKT có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 100% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ NKT; 40% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho NKT; 30% NKT được tập huấn các kỹ năng sống.

- 100% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.

- Thành lập tổ chức của NKT cấp huyện.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Công tác tuyên truyền, biểu dương khen thưởng

1.1. Nội dung

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật về người khuyết tật, Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 - 2030, gương người khuyết tật điển hình tiêu biểu... trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua các hình thức tuyên truyền hiệu quả khác như: Hội nghị, hội thảo, băng rôn, in ấn tờ rơi, áp phích, ấn phẩm...

- Biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác trợ giúp người khuyết tật; những tấm gương người khuyết tật điển hình vượt khó vươn lên trong cuộc sống vào đợt sơ kết, tổng kết.

1.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng văn hóa và Thông tin; Trung tâm VH-TT-DL và Truyền thông huyện; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

2. Trợ giúp y tế

2.1. Nội dung

- Tăng cường các biện pháp bảo đảm cho NKT được tiếp cận các dịch vụ y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh; được hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng. Xây dựng và áp dụng các chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với NKT về sử dụng dịch vụ y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Xây dựng, triển khai, cung cấp các dịch vụ y tế nhằm giảm thiểu và phòng ngừa khuyết tật; các dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật ở trẻ trước sinh, trẻ sơ sinh và trẻ dưới 6 tuổi. Tuyên truyền tư vấn và cung cấp chăm sóc sức khỏe sinh sản. Triển khai thực hiện chương trình phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng, cung cấp dịch vụ trợ giúp người khuyết tật.

- Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn đối với y tế chuyên ngành phục hồi chức năng và các kỹ năng phát hiện sớm, can thiệp sớm.

- củng cố các đơn vị phục hồi chức năng tại trung tâm y tế tuyến huyện và tăng cường nhân viên y tế chuyên trách phục hồi chức năng tại trạm y tế cơ sở.

- Triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, tăng cường trang thiết bị và dụng cụ luyện tập phục hồi chức năng cho các cơ sở phục hồi chức năng.

2.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Y tế chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; các phòng, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

3. Trợ giúp tiếp cận giáo dục

3.1. Nội dung

- Triển khai thực hiện các chính sách về giáo dục đối với NKT, bảo đảm phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đối với NKT; tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục hòa nhập NKT.

- Tổ chức thực hiện giáo dục hòa nhập với NKT, hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ giáo dục tại cộng đồng.

- Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục NKT; biên soạn tài liệu hướng dẫn giáo dục NKT lứa tuổi mầm non, phổ thông và cơ sở bảo trợ xã hội.

- Khuyến khích thành lập và phát triển hệ thống dịch vụ và mô hình giáo dục NKT phù hợp với nhu cầu của NKT và người tham gia giáo dục NKT: Phát hiện sớm, can thiệp sớm, giáo dục bán hòa nhập, giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt, giáo dục NKT tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa.

3.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

4. Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế

4.1. Nội dung

- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề cho NKT có nhu cầu và đủ khả năng học nghề, đảm bảo phù hợp với từng nhóm khuyết tật, linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức của NKT; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là NKT hoặc của NKT. Thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nhận NKT vào làm việc. Xây dựng các mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm hiệu quả cho NKT.

- Phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức các phiên giao dịch việc làm nhằm định hướng, tư vấn việc làm, nghề nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng làm việc, kỹ năng tìm việc và giới thiệu việc làm cho NKT. Phát động phong trào khuyến khích khởi nghiệp cho NKT. Xây dựng và nhân rộng mô hình hỗ trợ sinh kế đối với NKT và gia đình có NKT; mô hình hợp tác xã có NKT tham gia chuỗi giá trị sản phẩm.

- Ưu tiên hỗ trợ thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, NKT và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là NKT được vay vốn ưu đãi để tạo việc làm và mở rộng việc làm.

4.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

5. Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai

5.1. Nội dung

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai có tính đến NKT.

- Xây dựng mô hình phòng, chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với NKT.

5.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng Y tế; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; các cơ quan, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

6. Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng

6.1. Nội dung

- Yêu cầu các chủ đầu tư xây dựng công trình: Tổ chức triển khai thực hiện áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia “Xây dựng công trình đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng” vào các công trình xây dựng ngay từ khi lập nhiệm vụ thiết kế, dự án đầu tư; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Quy chuẩn trong suốt quá trình thiết kế, thẩm tra và thi công xây dựng công trình.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các công trình xây dựng của các đơn vị, địa phương, cụ thể: Tăng cường công tác thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra các công trình xây dựng đảm bảo NKT tiếp cận theo quy định. Tổ chức thực hiện áp dụng QCVN 10:2014/BXD đối với các công trình xây dựng được giao làm chủ đầu tư. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện QCVN10:2014/BXD của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình.

6.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, các cơ quan ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

7. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

7.1. Nội dung

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về giao thông tiếp cận; bảo đảm tất cả các công trình, dự án giao thông công cộng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn tiếp cận cho NKT.

- Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để NKT tham gia giao thông.

- Tuyên truyền cho đội ngũ lái xe, phụ xe về việc hỗ trợ hành khách là NKT.

7.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

8. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

8.1. Nội dung

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ, công cụ tiện ích hỗ trợ NKT tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.

- Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang thông tin điện tử hỗ trợ NKT.

- Tăng cường tiếp sóng các chương trình truyền hình có phụ đề và dịch thủ ngữ phục vụ người khiếm thính và các phương tiện báo chí có khả năng tiếp cận với người khiếm thị.

8.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Trung tâm VH-TT-DL và Truyền thông huyện; các cơ quan, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

9. Trợ giúp pháp lý

9.1. Nội dung

- Thực hiện tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý của NKT có khó khăn về tài chính thông qua các hoạt động truyền thông pháp luật về trợ giúp pháp lý tại các xã, phường, thị trấn nơi có nhiều NKT; tại Hội Bảo vệ quyền trẻ em và Bảo trợ NKT tỉnh, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin; các cơ sở trợ giúp xã hội trong và ngoài công lập; trường học; cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các tổ chức khác của NKT.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý khi thực hiện việc trợ giúp pháp lý đối với NKT có khó khăn về tài chính.

- Truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với NKT có khó khăn về tài chính thông qua các hoạt động thích hợp.

9.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

10. Hỗ trợ NKT trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

10.1. Nội dung

- Thành lập hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao cho NKT.

- Tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao dành cho NKT. Tạo điều kiện cho NKT tập luyện, tham gia thi đấu tại các giải thể thao dành cho NKT.

- Chỉ đạo hình thành môi trường độc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện để hỗ trợ NKT.

- Tham dự tập huấn nghiệp vụ chuyên môn trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật và các vận động viên tham gia thi đấu các giải; tập huấn sáng tác hội họa, âm nhạc, thơ ca cho NKT; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ NKT khi tham gia các hoạt động du lịch.

10.2. Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp Trung tâm VH-TT-DL và Truyền thông huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

11. Trợ giúp phụ nữ khuyết tật

11.1. Nội dung

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng về thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ yếu thế. Tổ chức lồng ghép các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, kết nối phụ nữ có nhu cầu tới các dịch vụ sẵn có nhằm hỗ trợ phụ nữ yếu thế tiếp cận với chính sách an sinh xã hội.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ yếu thế.

- Lồng ghép vận động các nguồn lực hỗ trợ phụ nữ yếu thế tại cộng đồng; xây dựng mô hình phụ nữ khuyết tật tự lực vươn lên trong cuộc sống.

11.2. Cơ quan thực hiện: Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

12. Hỗ trợ NKT sống độc lập và hòa nhập cộng đồng

12.1. Nội dung

- Phối hợp các cơ sở chính hình và phục hồi chức năng khám, sàng lọc, tư vấn NKT làm dụng cụ, phẫu thuật chỉnh hình, tập phục hồi chức năng.

- Huy động nguồn lực hỗ trợ NKT: Xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết.

- Cử đi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp NKT cho cán bộ trợ giúp NKT, gia đình và NKT (*kỹ năng lao động trị liệu cho NKT; tăng cường cho gia đình và NKT về chế độ dinh dưỡng phù hợp với NKT theo từng dạng tật;...*).

- Đẩy mạnh ứng dụng mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị; mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng.

- Phối hợp triển khai Chương trình “Hỗ trợ cải thiện chất lượng sống của NKT tại các tỉnh bị phun rải nặng chất da cam”¹ sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

12.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin huyện; các đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

13. Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ NKT và quản lý, giám sát, đánh giá

13.1. Nội dung

- Tăng cường công tác truyền thông bằng nhiều hình thức phù hợp về NKT (*hội nghị, ngày hội, biểu dương NKT tiêu biểu; truyền thông phương tiện thông tin đại chúng;...*) và pháp luật, những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp NKT...

⁽¹⁾ Theo đề nghị của Trung tâm Hành động quốc gia khắc phục hậu quả chất độc hoá học và môi trường (NACCET)

- Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho NKT.

- Tập huấn cho gia đình NKT về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho NKT; tập huấn các kỹ năng sống độc lập, tự hòa nhập cho NKT.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về NKT trên địa bàn toàn huyện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện kế hoạch và các chính sách, pháp luật đối với NKT.

13.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật NKT, các Luật liên quan và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trợ giúp NKT trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch, tiếp cận công trình công cộng, giao thông, trợ giúp pháp lý và công nghệ thông tin và truyền thông... bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và các cam kết quốc tế.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05-3-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ², Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh³; đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp NKT, huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trợ giúp NKT.

- Nâng cao trách nhiệm của toàn xã hội trong việc chăm lo, giúp đỡ NKT và các tổ chức của NKT; vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ cho cuộc sống NKT, hỗ trợ sinh kế,... và hội viên các tổ chức của NKT.

- Có cơ chế phù hợp nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực ngoài Nhà nước đầu tư cho các mô hình phi lợi nhuận chăm sóc NKT, nhất là NKT nặng, đặc biệt nặng, phụ nữ, trẻ em khuyết tật, NKT cao tuổi. Tạo điều kiện cho tổ chức của NKT có đủ năng lực tham gia thực hiện các dịch vụ công của Nhà nước.

- Tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ phối hợp giữa các tổ chức của NKT với các tổ chức trong và ngoài tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Triển khai hệ thống nhân viên công tác xã hội trong ngành y tế; tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, thực hiện các hoạt động trợ giúp NKT khi sử dụng các dịch vụ y tế.

⁽²⁾ Thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01-11-2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác NKT”;

⁽³⁾ Về ban hành Đề án triển khai thực hiện Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05-3-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01-11-2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác NKT” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ trợ giúp NKT trong y tế, giáo dục và xã hội.

3. Lồng ghép các chỉ tiêu liên quan đến NKT trong hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội có tính đến NKT.

4. Đề cao vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc trợ giúp NKT.

- Cấp huyện: Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch, huy động, phân bổ nguồn lực, rà soát thống kê quản lý dữ liệu, báo cáo, giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện kế hoạch trợ giúp NKT của địa phương; huy động bổ sung nguồn lực và chủ động phân bổ cho cấp xã; hướng dẫn và giám sát thực hiện của cấp xã, điều tra, thống kê và báo cáo với tình số NKT của địa phương.

- Cấp xã: Xác định số lượng NKT, thống kê và báo cáo UBND huyện số NKT của địa phương; huy động nguồn lực tại chỗ, tổ chức thực hiện các chính sách đối với NKT trên địa bàn, tự giám sát đánh giá. Định kỳ báo cáo về UBND huyện (*qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*).

5. Tăng cường kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân nhằm tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để trợ giúp cho NKT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí, cân đối trong kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành; lồng ghép kinh phí từ các chương trình, dự án, đề án có liên quan và các nguồn vốn viện trợ, tài trợ; các nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và những nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ được giao tại mục V Kế hoạch này.

VI. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Làm cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân huyện theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; hằng năm, chủ động phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch.

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 31/12*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện; tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc (*nếu có*) nhằm bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ đề ra. Định kỳ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Hàng năm, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu UBND huyện bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

3. Phòng Y tế; Trung tâm Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn:

+ Rà soát, hướng dẫn quy định liên quan đến NKT tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản quy phạm pháp luật khác về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng NKT; áp dụng bổ sung tiêu chí chất lượng bệnh viện về phục hồi chức năng và khuyết tật sau khi có hướng dẫn từ Trung ương.

+ Triển khai Chương trình phòng ngừa khuyết tật bẩm sinh và sơ sinh, Chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và Chương trình phát hiện sớm, can thiệp sớm trẻ em khuyết tật, trong đó ưu tiên thực hiện phát hiện sớm, can thiệp sớm và điều trị đối với trẻ tự kỷ tại cộng đồng.

+ Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển hệ thống các cơ sở phục hồi chức năng để thực hiện chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng đối với NKT giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050.

- Tiếp tục phát triển mạng lưới nhân viên công tác xã hội trong các bệnh viện và thiết lập hệ thống cộng tác viên công tác xã hội tại Trạm Y tế các xã, thị trấn. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác xã hội hỗ trợ NKT khi đến khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn:

- Áp dụng quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho NKT; triển khai các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với NKT, chính sách ưu đãi đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên hỗ trợ giáo dục NKT tham gia giáo dục NKT. Có cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập trường, lớp dành cho NKT.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; áp dụng hệ thống thông tin và cơ chế quản lý thông tin về học sinh khuyết tật trên toàn quốc.

5. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn thực hiện hoạt động phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai.

- Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn thực hiện các chương trình, đề án về phòng chống thiên tai liên quan đến NKT.

6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn cho phù hợp với thực tiễn và các nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện việc xây dựng các công trình xây dựng, dự án giao thông công cộng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn tiếp cận cho NKT.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND các xã, thị trấn tăng cường chỉ đạo việc kiểm tra, kiểm soát chặt việc thiết kế, thẩm định, cấp phép, nghiệm thu đưa vào sử dụng các công trình xây dựng bảo đảm yêu cầu tiếp cận đối với NKT.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, giám sát các quy định của Luật NKT về miễn giảm giá vé đối với NKT tham gia giao thông đến các doanh nghiệp/công ty vận tải (*kể cả doanh nghiệp/công ty tư nhân hay đã cổ phần*); bến xe, trạm dừng chân,... đảm bảo cho NKT tiếp cận.

- Đánh giá các quy định đối với NKT trong các Luật giao thông đường bộ, Luật đường sắt, Luật giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật hàng hải Việt Nam và Luật hàng không dân dụng Việt Nam để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Hướng dẫn áp dụng các tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát và sổ tay hướng dẫn kỹ thuật giao thông tiếp cận phổ quát.

- Khuyến khích, áp dụng bản đồ số, phần mềm... ứng dụng công nghệ 4.0 trong hỗ trợ NKT tham gia giao thông, hòa nhập cộng đồng.

7. Phòng Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đặc thù cho NKT.

- Tiếp tục hướng dẫn, đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho NKT bằng hình thức phù hợp, thiết thực; bảo đảm NKT có khó khăn về tài chính được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu; tăng cường kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các quy định về NKT trong Luật Trợ giúp pháp lý và Luật Tiếp cận thông tin.

- Chú trọng về quyền của NKT đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình thẩm định, góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

8. Phòng Văn hóa - Thông tin

- Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm VH-TT-DL và Truyền thông huyện; các cơ quan, đơn vị liên quan để tích hợp các dữ liệu về NKT, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về NKT.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực NKT; đảm bảo NKT tiếp cận được các trang thông tin, sản phẩm công nghệ thông tin.

- Triển khai áp dụng cơ chế, chính sách đối với huấn luyện viên, trọng tài của thể thao NKT và các vận động viên là NKT.

- Thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ quần chúng hòa nhập NKT thông qua các cuộc thi, liên hoan văn nghệ quần chúng, v.v...

- Kiểm tra, giám sát các công trình văn hóa, thể thao và du lịch đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng.

9. Các cơ quan, đơn vị: Phòng Nội vụ, Bảo hiểm xã hội huyện: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình quản lý chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05-3-2020 của Ban Thương vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01-11-2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác NKT” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

10. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện: Chỉ đạo đơn vị phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác các cấp, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện cho vay đến đối tượng thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, NKT và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là NKT có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm với lãi suất ưu đãi theo quy định.

11. Trung tâm VH-TT-DL và Truyền thông huyện; Trang thông tin điện tử huyện: Xây dựng các nội dung tuyên truyền theo Kế hoạch hàng năm và dài hạn về NKT; tăng thời lượng phát sóng chương trình truyền hình có sử dụng phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu.

12. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương chủ động xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật tại địa phương.

- Hằng năm, xây dựng có Kế hoạch trợ giúp NKT trên địa bàn quản lý; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực và lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với NKT, chính sách ưu đãi đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên hỗ trợ giáo dục NKT tham gia giáo dục NKT.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức Hội có liên quan⁴

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, tăng cường công tác tuyên truyền về Chương trình trợ giúp NKT; tiếp tục phối hợp tổ chức cuộc vận động, các phong trào chăm lo, giúp đỡ NKT; tăng cường quan hệ phối hợp trong các hoạt động trợ giúp NKT; lồng ghép các cuộc vận động, các phong trào thi đua gắn với việc chăm lo đời sống NKT. Tăng cường giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với NKT trên địa bàn huyện.

⁽⁴⁾ Hội Chữ thập đỏ huyện; Ban đại diện Hội Người cao tuổi huyện; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin huyện.

- Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện: Tổ chức lồng ghép các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, kết nối phụ nữ có nhu cầu tới các dịch vụ sẵn có; Nâng cao năng lực cho cán bộ làm nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ yếu thế; Lồng ghép vận động các nguồn lực hỗ trợ phụ nữ yếu thế tại cộng đồng; xây dựng mô hình phụ nữ khuyết tật tự lực vươn lên trong cuộc sống.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện; định kỳ 6 tháng (*trước ngày 15/6*), hàng năm (*trước ngày 15/12*) và đột xuất khi (*có yêu cầu*) báo cáo kết quả thực hiện về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo chung. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo bằng văn bản về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các tổ chức CTXH huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan⁵;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Thị Hồng Thu

(⁵) **Các phòng:** Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài chính - Kế hoạch; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp & PTNT; Kinh tế - Hạ tầng; Văn hóa và Thông tin; Tư pháp; Nội vụ.

Các đơn vị: Trung tâm VH-TT-DL và TT; Trang thông tin điện tử huyện; Bảo hiểm xã hội huyện; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; Hội Chữ thập đỏ huyện; Ban đại diện Hội Người cao tuổi huyện; Hội Nạn nhân CĐDC/dioxin huyện.